

CÁC ÔNG ĐẠO KHAI LẬP PHẬT GIÁO HIẾU NGHĨA TÀ LƠN

***Tóm tắt:** Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn khai lập ở Đồng bằng sông Cửu Long vào đầu thế kỷ XX với vai trò của Đức Giáo sư Nguyễn Ngọc An (tên thật là Nguyễn Văn An), quê ở Kinh Làng Phủ, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn thực hành phương châm, lối sống đạo trên tinh thần “Hiếu nghĩa”, lấy mục đích tu “nhân đạo” làm cốt lõi trong hành đạo của mình. Nghiên cứu Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn, đặc biệt là giai đoạn ông Nguyễn Văn An từ biệt gia đình tìm thầy học đạo, đến việc khai đạo và truyền đạo, sẽ nhận thấy được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của những ông Đạo thuộc dòng tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ dẫn đến sự ra đời của Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn.*

***Từ khóa:** Khai lập; ông đạo; Hiếu Nghĩa Tà Lơn.*

Dẫn nhập

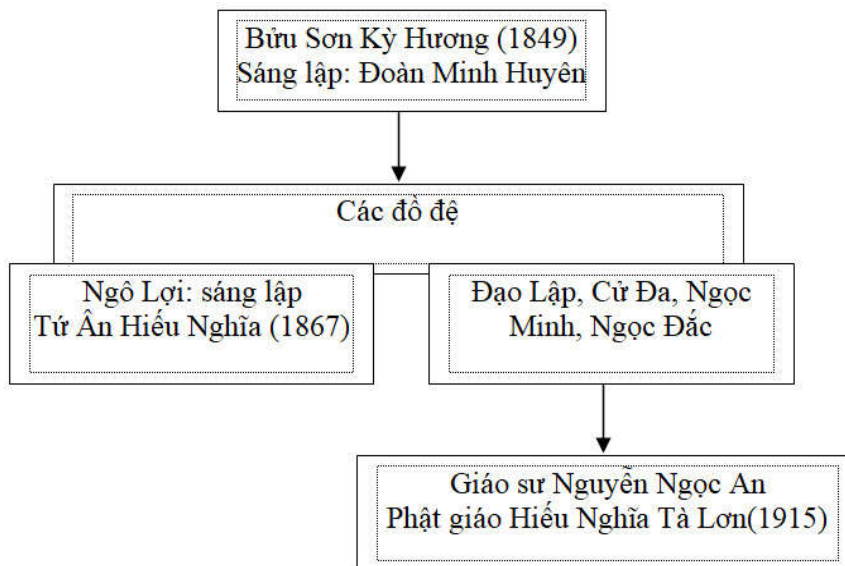
Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn ra đời ở Đồng bằng sông Cửu Long vào năm 1915, do ông Nguyễn Ngọc An (còn có các danh xưng khác: Nguyễn Văn An, ông Đạo Bảy, ông Thầy Bảy, Đức Giáo Sư) sáng lập. Ông Nguyễn Ngọc An sinh năm 1889 tại Kinh Làng Phủ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là Tiền Giang). Ông được sinh ra trong một gia đình nghĩa sĩ, có nhiều hoạt động trong phong trào yêu nước giai đoạn từ giữa thế kỷ XIX. An Bình Tự (ở Núi Tre, huyện Kiên Lương, Kiên Giang) là Tổ đình của tôn giáo này. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn tồn tại và phát triển ở Kiên Giang, Tp. Cần Thơ, Đồng Tháp và An Giang thuộc Tây Nam Bộ. Sự ra đời của tôn giáo này có sự đóng góp của nhiều ông Đạo vùng Tây Nam Bộ vốn là đệ tử của Phật thầy Tây An Đoàn Minh Huyền.

* Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày nhận bài: 19/7/2018; Ngày biên tập: 24/7/2018; Ngày duyệt đăng: 31/7/2018.

1. Từ Bửu Sơn Kỳ Hương đến sự ra đời Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn

Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn và các tôn giáo nội sinh khác ở Đồng bằng sông Cửu Long tuy giáo lý, luật lệ, nghi lễ có nhiều điểm khác biệt, nhưng nhìn chung đều có nguồn gốc từ Bửu Sơn Kỳ Hương. Qua nghiên cứu có thể tóm tắt dòng truyền dẫn đến Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn ra đời như sau:



Năm 1849, Bửu Sơn Kỳ Hương của Phật thầy Tây An ra đời ở Núi Sam (Châu Đốc, An Giang). Các đệ tử nổi tiếng của ông là Trần Văn Thành, Ngô Lợi, Tăng Chủ, Đinh Tây, Đạo Lập, Cử Đa, Đạo Xuyên,... đã tiếp tục vận dụng tư tưởng của Bửu Sơn Kỳ Hương để sáng lập ra nhiều tôn giáo mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 1867, đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa do Đức Bổn sư Ngô Lợi khai lập ở Châu Đốc (An Giang). Núi Tượng - làng An Định (vùng Thất Sơn, An Giang) được xem là Tổ đình của tôn giáo này.

Năm 1915, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn do các ông Đạo và Giáo sư Nguyễn Ngọc An sáng lập ở Tà Lơn, sau đó về Tân Hội (Tân Hiệp, Kiên Giang) khai đạo tại Việt Nam vào năm 1921. Chùa An Bình (Kiên Lương, Kiên Giang) được xem là Tổ đình của đạo.

Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon do Giáo sư Nguyễn Ngọc An sáng lập, nhưng những người có ảnh hưởng lớn đến sự ra đời của tôn giáo này là các vị đệ tử của Phật thầy Tây An, như: ông Đạo Lập, Đức Cử Đa, ông đạo Ngọc Minh, ông đạo Ngọc Đắc. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon cũng là một tôn giáo tiếp nối truyền thống tôn giáo nội sinh ở Tây Nam Bộ, giống như Tứ Ân Hiếu Nghĩa, hay sau này là Phật giáo Hòa Hảo (năm 1939).

Danh xưng Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon

Phật giáo nghĩa là tu theo triết lý Phật giáo, có hỗn dung với huyền thuật của Đạo giáo và thánh đạo của Nho giáo.

Hiếu nghĩa là cốt yếu trong hạnh tu.

Tà Lon (Bokor) là ngọn núi bắt đầu từ *Túkmiá*, tỉnh *Campôt* (Camphuchia), chạy dài đến giáp biên giới Thái Lan¹, là nơi khởi nguồn Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon. Đây là cũng là nơi các vị Tổ và Giáo sư Nguyễn Ngọc An tu hành và cũng là địa danh gắn liền với rất nhiều ông Đạo của nhiều tôn giáo bản địa khác tu luyện, sau đó về Việt Nam hành đạo.

Như vậy, *Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon* có nghĩa là tôn giáo tu hành theo pháp môn Phật giáo, lấy sự hiếu nghĩa làm phương châm hành đạo và địa danh Tà Lon làm danh xưng của tôn giáo.

2. Các Ông Đạo góp công khai lập Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon

Khi nghiên cứu về tôn giáo nội sinh ở Đồng bằng sông Cửu Long, danh xưng “Ông Đạo” thường được các nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm. Có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh ý nghĩa của cách gọi này. Phạm Bích Hợp cho rằng, Ông Đạo “để chỉ những người có khả năng đặc biệt, như khả năng chữa bệnh, khả năng tập hợp quần chúng, khả năng huyền linh, dẫn dắt mọi người theo một chủ thuyết nào đó. Tóm lại, là những người có khả năng làm những điều mà người bình thường không làm được và mang màu sắc thần bí”².

Phần lớn các Ông Đạo không có chủ trương hay đại diện cho một tôn giáo nào, các ông cũng không đưa ra hệ thống giáo lý, hoặc thuyết giáo về sự giải thoát cho con người. Tuy nhiên, quan trọng hơn hết là sự sùng bái, sùng tín, có khi là nỗi sợ hãi của người dân vào các ông. Danh

xung mỗi Ông Đạo là do chính người dân dựa vào cách tu hành, hoặc hình thức bên ngoài mà đặt tên, như: Đạo Nằm (thường nằm giảng đạo), Đạo Dừa (tu hành trên ngọn cây dừa), Đạo Trần (thường xuyên coi trần), Đạo Kiếng (ngồi thiền trước gương chiếu), Đạo Cao (cao hơn 2m), Đạo Lập (lập chùa Bồng Lai), Đạo Cử (đỗ cử nhân võ), v.v. ...

Tín đồ Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn cho rằng, tôn giáo của mình được khai sáng bởi 5 ông Đạo: *Đạo Lập*, *Ngọc Thanh*, *Ngọc Minh*, *Ngọc Đắc*, *Ngọc An*. Tương truyền, đây là những người có công quả tu hành cao, nhiều bùa chú, giỏi phép thuật trị bệnh cứu người, dạy đạo.

Ông **Đạo Lập**, tên thật là Phạm Thái Chung sinh năm 1832 ở Cồn Tiên, xã Đa Phước, tỉnh Châu Đốc (nay là An Giang), còn có biệt hiệu khác là Đức Tiên sinh. Do ông lập chùa Bồng Lai ở Bà Bài, xã Nhơn Hưng, huyện Tịnh Biên, An Giang nên người dân gọi ông là Đạo Lập. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn xem Đạo Lập là Sơ tổ của tôn giáo mình.

Khi còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình ông gặp nhiều khó khăn, nhà nghèo, mẹ mất sớm. Năm 13 tuổi, Phạm Thái Chung rời gia đình lên núi Tà Lơn tu hành và trở thành đệ tử tài ba của Phật thầy Tây An, huyền thuật kì bí, Phật pháp cao thâm. Ông mất ngày 30 tháng 9 năm Tân Mão, được đưa về an táng tại quê nhà. Theo luật đạo xưa “Liễu đạo, tử tất quy thổ”, nghĩa là người chết về với đất, chỉ cần 7 miếng vạt tre, không cần quan quách, mộ phần được san phẳng mặt đất. Qua thời gian, mộ ông Phạm Thái Chung đã bị thất lạc. Tương truyền, sau khi qua đời, ông hóa kiếp trở lại với pháp hiệu là La Hồng Chơn Không.

Ông Đạo Lập có nhiều sự tích. Ví dụ, sau khi mẹ qua đời, Phạm Thái Chung không thể sống cùng với kế mẫu nên bỏ nhà ra đi không định hướng về đâu. Trên đường, do kiệt sức vì đói khát, ông mơ thấy mẹ dạy phải lên núi Tà Lơn tu hành. Theo lời mẹ, Phạm Thái Chung đến Tà Lơn quy y với Đoàn Minh Huyền. Tương truyền, Phạm Thái Chung đắc đạo vào năm 29 tuổi; hoặc, Đạo Lập muốn ngao du vùng sông biển, chỉ cần dùng chiếc nón rộng vành của mình làm thuyền lướt trên mặt nước. Ông còn biết trước những chuyện chẳng lành của người khác để khuyên tránh hoặc đến cứu giúp họ khi gặp họa nạn.

Trong thời gian xuống núi hành đạo, ông đi nhiều nơi như Giang Thành, Hà Tiên, Châu Đốc, Lấp Vò... dùng thuốc nam trị bệnh cứu người. Cùng với việc truyền đạo, ông còn là một yếu nhân trong kháng chiến chống Pháp ở Bãi Thửa. Nhưng cuộc khởi nghĩa thất bại, ông làm đạo sĩ thu nhận nhiều đệ tử để phát triển đạo, đồng thời chờ đợi thời cơ để tiếp tục khởi nghĩa.

Ông Đạo **Cử Đa**, tên thật Nguyễn Thành Đa, đạo hiệu *Ngọc Thanh*, pháp hiệu Hư Không. Ông sinh khoảng năm 1828 tại làng Vĩnh Kim, Rạch Gầm, Mỹ Tho (Tiền Giang). Ngoài đạo hiệu Ngọc Thanh, ông còn được gọi là Nguyễn Đa, Cử Đa, Chơn Không, Hư Không. Trong cuộc đời tu học và truyền đạo của mình, ông phổ biến kinh kệ, sách ký, trong đó có văn Tà Lon, Lan Thiên, gồm những bài pháp ẩn ý sâu sắc về cuộc đời tu tập của ông.

“Lan Thiên một kiềng chếp chơi

Non cao đánh thượng thành thoi vô cùng”³.

Nguyễn Thành Đa thi đỗ cử nhân võ vào thời Tự Đức (khoảng năm 1852), từ đó được gọi là Cử Đa hay cụ Cử. Theo di bút trong tập văn Tà Lon viết lại cuộc đời mình, ông kể rằng: Vào một ngày, ông cùng 16 huynh đệ khác tìm lên Tà Lon tu học, do khó khăn, khắc nghiệt, 15 người huynh đệ thối chí trở về, mình ông quyết tâm lên núi Tà Lon tìm minh sư. Ngày mùng 9 tháng 3 năm Thân, Nguyễn Thành Đa gặp Đạo Lập. Đến ngày 14 tháng 3, ông quy y với đạo hiệu Ngọc Thanh. Sau đó, ông trở lại điện Bồ Hong (đỉnh núi Cấm) tu hành, rồi được tôn sư đưa lên nơi Trung tòa, ở động Cao Vân.

Theo tập văn Tà Lon và Lan Thiên, cụ Cử Đa chứng quả vị tiên vào ngày 20 tháng 7 năm Hợi. Tương truyền khi qua đời, ông không để lại xác phàm mà cả thân xác được về cảnh trời. Sau đó, ông lại tiếp tục xuống thế độ đời với pháp hiệu là Hư Không. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon cho rằng, cụ Cử Đa là Sư cố của tôn giáo mình.

Truyền thuyết về cuộc đời cụ Cử Đa, thuở nhỏ ông ra Bình Định học võ và đậu cử nhân võ (ông có giọng nói như người Miền Trung, nên có tài liệu cho rằng ông là người Bình Định). Năm 1862, sau khi nhà Nguyễn ký Hòa ước Nhâm Tuất, ông về lưu trú tại làng Bình Khê

(Phù Cát, Bình Định), rồi ra Huế, Hà Nội tham gia nghĩa quân chống Pháp. Năm 1885, vua Hàm Nghi ban chiếu Cần Vương, Nguyễn Thành Đa dốc lòng hưởng ứng phò vua cứu nước. Năm 1888, Thực dân Pháp bắt được vua Hàm Nghi tại căn cứ Hà Tĩnh và sau đó lưu đày vua sang Algérie. Cử Đa lại trở về Nam Kỳ tham gia khởi nghĩa, nhưng các cuộc khởi nghĩa của Trương Định, Võ Duy Dương, Nguyễn Trung Trực, Trần Văn Thành, Thủ Khoa Huân... đều bị tan rã. Ông xác định con đường riêng của mình "... không làm anh hùng thì làm Bò tát...". Kể từ đó, Cử Đa ẩn danh vùng Thất Sơn, chờ thời cơ giúp nước, nhưng cũng có khi xuất hiện ở Bến Tre, Cái Dầu (Châu Phú, An Giang), Giang Thành, Hà Tiên, rồi sang Kampôt, Kampong Trach và cuối cùng đến Tà Lon tu hành.

Ở vùng Tà Lon, thỉnh thoảng ông về Bảy Núi thăm các đệ tử cũ, căn dặn tín đồ nếu không có mệnh lệnh thì không một ai được bạo động. Lâu dần không còn thấy ông xuất hiện, nhưng người ta có thấy một cụ già, tóc bạc trắng, cưỡi hổ mun vượt rừng núi, họ tin rằng đó là cụ Cử. Hàng đệ tử của cụ Cử Đa vùng Tà Lon, Thất Sơn rất nhiều, nhưng chỉ có cụ Nguyễn Ngọc Minh nhận được phép bí truyền và được chọn vào Tổ đình Kim Quang Thành Tà Lon.

Ông Đạo **Ngọc Minh**, tên thật là Nguyễn Ngọc Minh, được Cử Đa chọn là người "chân truyền tiên đạo" Tổ đình Hiếu Nghĩa ở Tà Lon. Tương truyền, Nguyễn Ngọc Minh chỉ chuyên tâm tu hành ở Tà Lon mà không xuống núi truyền đạo, nên thân thể không được lưu truyền nhiều, ít người biết đến năm sinh, năm mất, gia đình, quê quán của ông. Chỉ biết rằng, mộ phần Nguyễn Ngọc Minh gần điện Kim Quang thành Tà Lon, phía trên động Trung Tòa khoảng 400m. Ngọc Minh được Cử Đa chọn truyền giao Tổ đình, nên Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon xem là sư ông - tổ Ngọc Minh.

Ông Đạo **Ngọc Đắc**, họ tên thật là Trần Ngọc Được, quê quán ở Tân Châu, Hồng Ngự (Đồng Tháp). Ngọc Đắc sinh, mất năm nào không được biết đến. Tương truyền rằng, khi trưởng thành, ông rời gia đình đi tu ở Tà Lon và mất tại nơi này. Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon xem Ngọc Đắc là sư bá.

Theo truyền thuyết, Trần Ngọc Được là con một trong gia đình rất giàu có. Ông được hưởng nhiều sự yêu thương, chiều chuộng của nhiều người. Tuy nhiên, ngay từ lúc nhỏ, ông đã không quan tâm đến sự giàu sang mà đã xuất hiện chí hướng tu hành. Cha mẹ biết ý định xuất gia của ông, nên tìm mọi cách ngăn cản. Đến tuổi trưởng thành, cha mẹ ép buộc lấy vợ để ông quên ý nghĩ xuất gia. Vì chữ hiếu, Ngọc Được cưới vợ nhưng khi vợ mang thai, thừa lúc gia đình không quan tâm đến, ông trốn gia đình, rời xa vợ con lên Tà Lơn tu học với pháp hiệu Ngọc Đắc.

Sau những năm tháng tu hành tại Tà Lơn, thỉnh thoảng Ngọc Đắc có về thăm gia đình và đi truyền đạo một số nơi. Tương truyền, do oai lực của mình mà ông không thể đi ngựa hoặc đi xe được, bởi lên xe thì xe hư, lên ngựa thì ngựa không chạy. Lần cuối ông về quê lúc con gái ông 18 tuổi, đã xuất giá theo chồng. Sau khi thăm con, ông trở về Tà Lơn tu hành đến lúc qua đời.

Giáo sư Nguyễn Ngọc An - người khai lập Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn

Nguyễn Ngọc An (tên thật là Nguyễn Văn An) sinh năm 1889 tại Kinh Làng Phủ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (nay là Tiền Giang). Ông sinh ra trong một gia đình nghĩa sĩ, có nhiều hoạt động trong phong trào yêu nước giai đoạn từ giữa thế kỷ XIX.

Cha Nguyễn Ngọc An là ông Nguyễn Đức Lâu, từng là nghĩa sĩ tham gia chống Pháp trong khởi nghĩa Bãi Sậy (Hưng Yên), phong trào Cần Vương của vua Hàm Nghi. Với những trận càn liên tiếp của giặc Pháp, cuộc khởi nghĩa thất bại, lực lượng nghĩa quân bị bao vây, ông Nguyễn Đức Lâu cùng một số nghĩa sĩ khác đã thoát được vòng vây và đưa gia đình vào phương Nam gây dựng phong trào, chờ thời cơ nổi dậy chống giặc.

Ngay từ nhỏ, Nguyễn Văn An đã chú tâm, lén nghe các bậc lớn tuổi bàn chuyện quốc sự. Tinh thần yêu nước đã dần lớn lên trong ông, cùng với đó là sự hâm mộ đức hạnh tu hành, võ thuật cao thâm, phép thuật huyền bí của các ông Đạo đang quy ẩn vùng Tà Lơn. Nguyễn Văn An xin phép cha mẹ quyết chí ra đi tìm về các vị cao tăng học đạo, với nhiều hoài bão lớn của một chàng trai tuổi 17.

Năm 1906, Nguyễn Ngọc An đến vùng Tà Lơn tìm thầy học đạo. Nguyễn Ngọc An vốn tư chất thông minh, sau khi quy y với cụ Cử Đa, ông nhanh chóng học được những điều truyền dạy và trở thành một trong những đạo sĩ đức độ ở Tà Lơn lúc này.

“Chín mùa hoa nở đất Kim Quang,
Gieo hạt từ bi, hạt giống vàng.
Hiếu Nghĩa Tà Lơn khai mở đạo,
Sáng mãi muôn đời Nguyễn Ngọc An”⁴.

Năm 1915 (Ất Mão), qua đợt thi tuyển hiền tài tìm người đức độ để xuống núi truyền đạo, dựng chùa. Nguyễn Ngọc An đắc đạo và được đứng vào ngôi vị Tổ đình Kim Quang Thành Tà Lơn - là một trong Ngũ đại nhân của Tổ đình Phật giáo Hiếu Nghĩa ở Tà Lơn. Ông chính thức được giao về Việt Nam xây dựng “Bát bửu ngũ linh tự”. Cùng thời điểm đó, Kim Quang Thành được lệnh “Bê cửa động, đóng cửa tiên”.

Sau khi xuống núi, Nguyễn Ngọc An đã đi nhiều nơi ở An Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cần Thơ... giảng đạo, trị bệnh cứu người. Năm 1921, dựng xong ngôi chùa đầu tiên - Tiên An tự. Ngày rằm trung ngươn năm Tân Dậu, Nguyễn Ngọc An lập đàn tế cáo trời đất khai đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn ở Việt Nam. Ông được tôn xưng là Đức Giáo sư. Năm 1923, Nguyễn Ngọc An đến đồi Núi Tre - Kiên Lương (Kiên Giang) quy tụ nhân dân từ nhiều nơi về quanh khu vực lập làng, dựng chùa. Năm 1927, ông chính thức tạo lập Tổ đình An Bình tự - Tổ đình Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn hiện nay. Sau đó, ông đi truyền đạo vùng Miệt Thứ, Long Xuyên, Đồng Tháp, Cần Thơ, thu hút tín đồ và liên lạc phục vụ cho cách mạng, tiếp tục lập thêm các ngôi chùa mới hướng dẫn tín đồ tu học.

Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn với chủ thuyết tu nhân đạo theo bậc hạ thừa, nên Nguyễn Ngọc An ngoài việc truyền bá tôn giáo, còn truyền dạy cho đệ tử, tín đồ lòng trung quân, ái quốc, xem đó là mục tiêu hành đạo “Tu cho quốc vương, thủy, thổ, giữ gìn ngọn rau, tấc đất nước nhà”⁵. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, Giáo sư Nguyễn Ngọc An dành nhiều thời gian tham gia công cuộc kháng chiến và cũng từng có thời kỳ là đảng viên Đảng Cộng sản nhưng vì phải lo việc đạo nên ông xin thôi không sinh hoạt Đảng.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, ông Nguyễn Ngọc An đã có nhiều đóng góp cho cách mạng địa phương, giữ vai trò quan trọng trong vùng căn cứ diêm, làm cơ sở cho nhiều hoạt động của cán bộ, chiến sĩ. Suốt những năm chống Pháp, tuy Nguyễn Ngọc An không trực tiếp tham gia, nhưng nhiều cán bộ cách mạng thường lui tới bàn luận với ông về tình hình trong nước và địa phương, như ông Nguyễn Ngọc Lâu - Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính, ông Mười Song - Trưởng ty Công an Hà Tiên.

Giai đoạn 1945-1954, ông Nguyễn Ngọc An được tổ chức bầu làm Hội trưởng Hội Cha mẹ chiến sĩ - Hội Liên Việt tỉnh Long Châu Hà. Ông tích cực tham gia nuôi dưỡng bộ đội, giúp đỡ thông tin liên lạc cho cán bộ địa phương. Năm 1946, Công binh xưởng Việt Kiều Campuchia rút về Việt Nam, trú tại chùa An Bình để rèn đúc vũ khí phục vụ cho chiến trường. Lúc này, chùa An Bình vừa là nơi tu hành, vừa là địa điểm dừng chân, liên lạc, nuôi dưỡng cán bộ, nơi hội họp của cách mạng. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Nguyễn Ngọc An tích cực trong việc duy trì địa điểm làm cơ sở để phục vụ cho cán bộ địa phương hội họp, liên lạc, trú ẩn...

Tháng 5 năm 1972, kỷ niệm 82 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, chỉ huy hai trung đoàn 44 và 46 của sư đoàn 1 tổ chức cuộc họp tại Trà Teng với Tỉnh ủy Châu Hà và Huyện ủy Hà Tiên, bàn kế hoạch mở cuộc tấn công chi khu Kiên Lương và chiếm nhà máy xi măng Hà Tiên vào ngày 17 tháng 5 năm 1972. Sau đó, Mỹ-Ngụy dò biết nơi đóng bản doanh của Bộ chỉ huy là đồi Núi Tre - An Bình tự, nên tổ chức đánh càn. Mỹ - Ngụy dùng súng cối 60, 81 bắn cấp tập, và cho máy bay oanh kích khu vực chùa An Bình, chùa bị bom đánh sập hoàn toàn. Khoảng 8 giờ ngày 19 tháng 5 năm 1972, ông Nguyễn Ngọc An rời khỏi phòng trú ẩn (là bàn thờ Phật ở chánh điện Tổ đình) để nắm bắt tình hình, tìm cánh ứng phó, cứu cán bộ và đệ tử. Vừa ra khỏi hầm trú, một trái đạn pháo nổ bên cạnh làm ông bị thương nặng, các đệ tử Chín Bé, Ba Ngộ, Mười Thơm dùng võng đưa ông tới bệnh viện quận Kiên Lương (nay là trạm y tế thị trấn) để cứu chữa. Nhưng vì vết thương quá nặng, ông đã qua đời sau đó.

Ông Nguyễn Ngọc An qua đời ngày 19 tháng 5 năm 1972, thọ 83 tuổi. Ông có 9 năm tu học và 57 năm hành đạo, lập 05 ngôi chùa và 03 am gọi là “Bát bửu ngũ linh tự”. Ông Nguyễn Ngọc An được an táng tại Tổ đình An Bình (Kiên Lương) dưới chân đồi Núi Tre, cách chùa khoảng 100m về hướng Đông Nam. Ông Nguyễn Ngọc An còn được gọi là Đức Thầy, Đức Giáo Sư, ông Đạo Bầy, ông Bầy, hay ông Thầy Bầy. Giáo sư Ngọc An là người khai lập Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon - một tôn giáo bản địa ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trước những đóng góp lớn lao cho cách mạng, năm 1998, ông được Chủ tịch nước truy tặng Huy chương Kháng chiến hạng II.

Hàng năm đến ngày giỗ Giáo sư Nguyễn Ngọc An (mùng 7 tháng 4 âm lịch), tín đồ Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon ở Cần Thơ, Long Xuyên, Tân Hội, Miệt Thứ, Lấp Vò,... cùng các cấp chính quyền, Mặt trận, đoàn thể địa phương, các tôn giáo bạn và nhân dân quanh khu vực đồi Núi Tre đến cúng viếng, thắp nén hương cho người thầy khả kính, dạy điều hiếu hạnh, tu nhân và cũng là người từng mang trong mình dòng máu nghĩa sĩ anh hùng của phong trào chống thực dân, đế quốc xâm lược.

Như vậy, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon chính thức ra đời vào năm 1915 ở vùng Tà Lon. Ở Việt Nam tôn giáo này làm lễ khai đạo tại ấp Phú Hội, xã Tân Hội, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang năm 1921. Từ ngày khai đạo, Giáo sư Nguyễn Ngọc An cùng các đệ tử đã đi nhiều nơi trên vùng Đồng bằng sông Cửu Long truyền đạo, gây dựng cơ sở, tập hợp nhân dân tích cực tham gia các hoạt động yêu nước. Những đóng góp của các ông Đạo và Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon không chỉ tô đậm thêm truyền thống yêu nước của nhân dân mà còn làm phong phú hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo vốn rất đa dạng ở Đồng bằng sông Cửu Long./.

CHÚ THÍCH:

- 1 *Khái quát lịch sử đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, tư liệu của Tổ đình An Bình Tự.
- 2 Phạm Bích Hợp (2007), *Người Nam bộ và tôn giáo bản địa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 85.
- 3 *Văn Tà Lon, Văn Lan Thiên*, tư liệu của Tổ đình An Bình Tự.
- 4 *Khái quát lịch sử đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, tư liệu của Tổ đình An Bình Tự.

5. *Luật đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, tư liệu của Tổ đình An Bình Tự.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan An (1999), *Người Việt Nam Bộ từ góc nhìn tôn giáo*, Viện Khoa học xã hội Nam Bộ.
2. Nguyễn Đăng Duy (1997), *Văn hóa tâm linh Nam Bộ*, Nxb. Hà Nội.
3. Nguyễn Hồng Dương (2004), *Tôn giáo trong mối quan hệ văn hóa và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Phạm Bích Hợp (2007), *Người Nam Bộ và tôn giáo bản địa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Đỗ Quang Hưng (2001), *Tôn giáo và mấy vấn đề tôn giáo Nam Bộ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. *Khái quát lịch sử đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, Tư liệu Tổ đình An Bình Tự.
7. *Kinh Cứu Khổ Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, Tư liệu Tổ đình An Bình Tự.
8. *Kinh Phổ Môn Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, Tư liệu Tổ đình An Bình Tự.
9. Ngô Văn Lệ (2011), “Các tôn giáo bản địa và ảnh hưởng của nó đến đời sống văn hóa của người Việt Nam Bộ”, trong đề tài cấp Nhà nước: *Đặc trưng tín ngưỡng tôn giáo và sinh hoạt văn hóa của các cộng đồng cư dân Nam Bộ*, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 6.
10. *Luật đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, Tư liệu Tổ đình An Bình Tự.
11. Huỳnh Lứa (chủ biên, 1997), *Lịch sử khám phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Sơn Nam (1992), *Cá tính của miền Nam*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
13. *Tóm tắt giáo lý, giáo luật Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, Tư liệu Tổ đình An Bình Tự.
14. *Triết Thành đạo Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon*, Tư liệu Tổ đình An Bình Tự.
15. *Văn Tà Lon, Văn Lan Thiên*, Tư liệu Tổ đình An Bình Tự.

Abstract

FOUNDERS OF HIẾU NGHĨA TÀ LON BUDDHISM

Nguyen Xuan Hau

Rach Gia city, Kien Giang province

Hiếu Nghĩa Tà Lon was established in Cửu Long delta in the early 20th century by Nguyễn Ngọc An, his native land was Kinh Lăng Phủ, Cái Bè District, Tiền Giang Province. Hiếu Nghĩa Tà Lon has practiced the motto, lifestyle in the “filial” spirit, the purpose of “humaneness”. The research on Hiếu Nghĩa Tà Lon Buddhism, the process of finding teachers and learning religion; establishment and propagation, will recognize the importance and influence of local religious leaders (endogenous religions) in the birth of Hiếu Nghĩa Tà Lon Buddhism in the South.

Keywords: Foundation; religious leaders; Hiếu Nghĩa Tà Lon.